

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 117/QĐ-ĐHNT, ngày 10 tháng 12 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

I. THÔNG TIN CHUNG

I.1. Tên chương trình đào tạo

Tiếng Việt: Nuôi trồng thủy sản

Tiếng Anh: Aquaculture

I.2. Tên ngành: Nuôi trồng thủy sản

Mã số: 52620301

I.3. Trình độ đào tạo: Đại học

I.4. Hình thức đào tạo: Chính quy.

I.5. Định hướng đào tạo: Ứng dụng.

I.6. Thời gian đào tạo: 4 năm

I.7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 155 tín chỉ (bao gồm cả kiến thức giáo dục thể chất và quốc phòng)

I.8. Khoa/viện quản lý: Viện Nuôi trồng Thủy sản

I.9. Giới thiệu về chương trình:

Chương trình đào tạo bậc Đại học nuôi trồng thủy sản ra đời cùng với sự hình thành và phát triển của Trường Đại học Thủy sản, nay là Trường Đại học Nha Trang. Trải qua gần 58 năm, chương trình đào tạo không ngừng được củng cố và hoàn thiện, đã khẳng định được thương hiệu đào tạo nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam. Hiện nay, chương trình giáo dục đại học Nuôi trồng thủy sản đào tạo kỹ sư nuôi trồng thủy sản. Bên cạnh những kiến thức chung nhằm đào tạo toàn diện, về chuyên môn, chương trình tập trung vào các lĩnh vực chính: sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản thương phẩm, sản xuất thức ăn thủy sản, quản lý môi trường và bệnh thủy sản.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

II.1. Mục tiêu chung

Chương trình giáo dục đại học Nuôi trồng thủy sản cung cấp cho sinh viên môi trường và những hoạt động giáo dục để họ hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức, các kỹ năng cơ bản, cần thiết nhằm đạt được thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn, đáp ứng nhu cầu xã hội. Với truyền thống của trường, của khoa Nuôi trồng Thủy sản, nay là Viện Nuôi trồng Thủy sản, để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, chương trình giáo dục đại học Nuôi trồng thủy sản có nhiệm vụ đào tạo kỹ sư nuôi trồng thủy sản cho cả nước, đặc biệt trong lĩnh vực nuôi biển, bảo vệ môi trường và nguồn lợi ven bờ.

II.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình giáo dục đại học Nuôi trồng thủy sản nhằm đào tạo kỹ sư nuôi trồng



thủy sản có đủ phẩm chất, năng lực phục vụ cho sự phát triển của ngành: Tổ chức nghiên cứu và thực hiện các qui trình công nghệ sản xuất giống thủy sản, nuôi trồng thủy sản thương phẩm, sản xuất thức ăn, quản lý môi trường các thủy vực, tổ chức thực hiện phòng, trị bệnh thủy sản, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực đã được đào tạo, tư vấn kỹ thuật trong qui hoạch và thiết kế cơ sở nuôi trồng thủy sản, tổ chức thực hiện các dịch vụ liên quan đến nuôi trồng thủy sản, quản lý doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản qui mô vừa và nhỏ.

III. CHUẨN ĐẦU RA

III.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp, ngành nuôi trồng Thủy sản đạt được kiến thức, kỹ năng và thái độ, tùy thuộc vào sự lựa chọn các học phần trong chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

A. Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe

A.1. Có lập trường chính trị tư tưởng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết và thực hiện các giá trị đạo đức. Có ý thức xây dựng, bảo vệ tổ quốc và lợi ích của tập thể, bảo vệ môi trường; chủ động, tự tin và dám chịu trách nhiệm trong công việc.

A.2. Có ý thức học tập, rèn luyện để không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực và sức khỏe. Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao; tinh thần cầu tiến, hợp tác với các cá nhân khác trong công việc.

B. Kiến thức

B1. Hiểu các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hiểu và vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn vào ngành đào tạo.

B2. Hiểu biết các vấn đề đương đại; áp dụng kiến thức cơ sở ngành vào lĩnh vực chuyên môn.

B3. Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên môn trong sản xuất giống, nuôi trồng thủy sản; sản xuất và sử dụng thức ăn thủy sản.

B4. Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên môn trong quản lý môi trường nuôi trồng thủy sản, quản lý sức khỏe động, thực vật thủy sản.

B5. Hiểu và vận dụng các kiến thức trong quản lý doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản.

C. Kỹ năng

C1. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và với cộng đồng; giao tiếp, xử lý thông tin, truyền đạt thông tin để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn; quản lý và lãnh đạo

C2.2 Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin (theo chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) và ngoại ngữ (bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết công việc chuyên môn

C3. Tổ chức thực hiện các qui trình kỹ thuật sản xuất giống thủy sản, nuôi trồng thủy sản thương phẩm, sản xuất thức ăn thủy sản.

C4. Tổ chức quản lý môi trường các thủy vực nuôi thủy sản, thực hiện phòng trị bệnh trong nuôi trồng thủy sản.

C5. Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ những lĩnh vực chuyên sâu đã được đào tạo; tư vấn kỹ thuật chuyên ngành trong qui hoạch và thiết kế cơ sở nuôi trồng thủy sản.

C6. Tổ chức thực hiện các dịch vụ liên quan đến nuôi trồng thủy sản; quản lý doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản qui mô vừa và nhỏ.

III.2. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, các kỹ sư nuôi trồng thủy sản có thể làm việc tại:

- Các công ty, doanh nghiệp, trang trại nuôi trồng thủy sản (cán bộ kỹ thuật phụ trách các hoạt động sản xuất giống, nuôi thương phẩm, phòng và trị bệnh thủy sản...).
- Các công ty thức ăn và dịch vụ thủy sản (kỹ sư trưởng các dây chuyền sản xuất thức ăn, cán bộ kỹ thuật các phòng phân tích mẫu thức ăn, Marketing...).
- Các công ty tư vấn và chuyển giao công nghệ nuôi trồng thủy sản.
- Chuyên viên tại các cơ quan quản lý nhà nước về nuôi trồng thủy sản (Phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các trung tâm, chi cục, các cơ quan và tổ chức cấp bộ, các tổ chức nước ngoài).
- Nghiên cứu viên tại các viện, trung tâm nghiên cứu nuôi trồng và kinh tế thủy sản.
- Giảng viên tại các trường đào tạo về thủy sản.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

IV.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
I. Kiến thức giáo dục đại cương	59	38,06	50	84,75	9	15,25
1. Khoa học xã hội và nhân văn	18	11,61	14	77,78	4	22,22
2. Toán, khoa học tự nhiên, công nghệ và môi trường	22	14,19	18	81,82	4	18,18
3. Ngoại ngữ	8	5,16	8	100,00		
4. Giáo dục thể chất và QP-AN	11	7,10	10	90,91	1	9,09
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	96	61,94	84	87,50	12	12,50
1. Kiến thức cơ sở ngành	34	21,94	30	88,24	4	11,76
2. Kiến thức ngành	62	40,00	54	87,10	8	12,90
Tổng cộng	155		134	86,45	21	13,55

IV.2. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành và các quy định khác trong đề án tuyển sinh của Trường.

IV.3. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

JUC
 TRUC
 ĐẠI
 NHÀ T

Theo Quy định đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang.

IV.4. Nội dung chương trình đào tạo

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Phân bổ theo giờ tín chỉ		Mã số/ Học phần tiên quyết	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Thực hành		
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		59				
I	KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN	18				
<i>I.1.</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>	14				
1	Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2	2			A1, A2, B1, C1
2	Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 2	3	3		1	A1, A2, B1, C1
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		2	A1, A2, B1, C1
4	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	3		3	A1, A2, B1, C1
5	Pháp luật đại cương	2	2			B1, C1
6	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	2			B1, C1
<i>I.2</i>	<i>Các học phần tự chọn</i>	4				
7	Tâm lý học đại cương	2	2			B1, C1
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2			A1, A2, B1, C1
9	Lịch sử văn minh thế giới	2	2			B1, C1
10	Logic học đại cương	2	2			B1, C1
11	Nhập môn hành chính nhà nước	2				B1, C1
12	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2				B1, C1
13	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2				B1, C1
14	Nhập môn quản trị học	2				B1, C1, B5, C7
15	Kinh tế học đại cương	2				A1, A2, B1, C1, B5, C7
II	TOÁN, KHOA HỌC TỰ NHIÊN, CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG	22				
<i>II.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>	18				
16	Đại số tuyến tính	2	2			B1, B2
17	Giải tích	3	3			B1, B2
18	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3		17	B1, B2
19	Sinh học đại cương	2	2			B1, B2
20	Thực hành sinh học đại cương	1		1	19	B1, B2

21	Hóa đại cương	3	3			B1, B2
22	Thực hành hóa đại cương	1		1	21	B1, B2
23	Tin học cơ sở	3	2	1		B1, C3
	<i>Thực hành tin học cơ sở (bổ sung)</i>					
II.2	Các học phần tự chọn	4				
24	Vật lý đại cương	3	3			B1, B2
25	Thực hành Vật lý đại cương	1		1	24	B1, B2
26	Con người và môi trường	2	2			B1, B2
27	Biến đổi khí hậu	2	2			B1, B2
III	NGOẠI NGỮ	8				
III.1	Các học phần bắt buộc	8				
28	Tiếng Anh A2.1	4	4			C2
29	Tiếng Anh A2.2	4	4		28	C2
III.2	Các học phần tự chọn	0				
IV	GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ QUỐC PHÒNG - AN NINH	11				
IV.1	Các học phần bắt buộc	13				
30	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN	2	3			A1
31	Công tác quốc phòng - an ninh	2	2			A1
32	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK và CKC	5	?	?		A1
	Hiểu biết thêm về quân, binh chủng	2				
33	Điền kinh	1				A2
34	Bơi lội	1				A2
IV.2	Các học phần tự chọn	1				
35	Bóng đá	1				A2
36	Bóng chuyền	1				A2
37	Cầu lông	1				A2
38	Võ thuật	1				A2
B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		91				
I	KIẾN THỨC CƠ SỞ	34				
I.1	Các học phần bắt buộc	30				
39	Hóa sinh	3	2	1	19; 20 21; 22	B2
40	Thực vật ở nước	3	2	1	19 ^(*) ; 20	B2
41	Động vật không xương sống ở nước	3	2	1	19 ^(*) ; 20	B2
42	Ngr loại	3	2	1	19; 20	B2
43	Sinh thái thủy sinh	2	2		39; 40; 41; 42	B2
44	Sinh lý động vật thủy sản	3	2	1	39; 41; 42	B2
45	Mô và phôi động vật thủy sản	3	2	1	41; 42	B2
46	Vi sinh vật học	3	2	1	39	B2

47	Phân loại giáp xác và động vật thân mềm	2	1,5	0,5	41	B2
48	Dinh dưỡng trong nuôi trồng thủy sản	2	2	0	39; 40; 41; 42	B2
49	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong nuôi trồng thủy sản	3	2	1	18;23	B2, C6
I.2	Các học phần tự chọn	4				
50	Công nghệ sinh học trong nuôi trồng thủy sản	2	2	0	46	B2
51	Sử dụng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	2	2	0	40; 41; 42	B2
52	Miễn dịch học và ứng dụng nuôi trồng thủy sản	2	2	0	39; 40; 41; 42	B2
53	Viễn thám và thông tin địa lý	2	2	0		B2
II	KIẾN THỨC NGÀNH	62				
II.1	Các học phần bắt buộc	54				
54	Quy hoạch và quản lý nuôi trồng thủy sản	2	2	0		B3, C4
55	Công trình và thiết bị trong nuôi trồng thủy sản	3	3	0	43; 44; 45; 46; 47; 48	B3, C4, C6
56	Di truyền và chọn giống thủy sản	3	2	1	43; 44; 45; 46; 47; 48	B3, C4
57	Thức ăn trong nuôi trồng thủy sản	3	2	1	43; 44; 45; 46; 47; 48	B3, C4
58	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản	3	2	1	43; 44; 45; 46; 47; 48	B3, C4, C5
59	Bệnh học thủy sản	4	3	1	43; 44; 45; 46; 47; 48	B3, C4, C5
60	Sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt	4	4	0	55; 56; 57; 58; 59(*)	B3, C4, C6
61	Sản xuất giống và nuôi cá biển	3	3	0	55; 56; 57; 58; 59(*)	B3, C4, C6
62	Sản xuất giống và nuôi giáp xác	3	3	0	55; 56; 57; 58; 59(*)	B3, C4, C6
63	Sản xuất giống và nuôi động vật thân mềm	3	3	0	55; 56; 57; 58; 59(*)	B3, C4, C6
64	Sản xuất giống và trồng rong biển	2	2	0	55; 56; 57; 58; 59(*)	B3, C4, C6
65	Quản trị doanh nghiệp	3	3	0		B5, C7
66	Thực tập Kỹ thuật nuôi thủy sản nước mặn, lợ	4		4	49; 61; 62; 63; 64	C4, C5, C6
67	Thực tập Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản nước ngọt	4		4	49;60; 62; 63; 64	C4, C5, C6
68	Tốt nghiệp	10		10	66; 67	C4, C5, C6, C7
II. 2	Các học phần tự chọn	8				
69	Sản xuất giống và nuôi thủy đặc sản	2	2	0	49; 61; 62;	B3, C4,

					63; 64	C6
70	Sản xuất giống và nuôi thủy sinh vật cảnh	2	2	0	49; 61; 62; 63; 64	B3, C4, C6
71	Khuyến ngư và phát triển nông thôn	2	2	0		C6, C7
72	Bảo quản sản phẩm sau thu hoạch	2	2	0	46	C4
73	Marketing căn bản	2	2	0		B5, C7
74	Ô nhiễm môi trường nước	2	2	0	58	C5
75	Sử dụng và bảo dưỡng thiết bị điện trong nuôi trồng thủy sản	2	2	0		C4
Số tín chỉ bắt buộc (i)					134	
Số tín chỉ tự chọn (ii)					21	
Tổng số tín chỉ (i+ii)					155	

Ghi chú: (*) Học phần tiên quyết nhưng có thể bỏ trí học song song.

TỔ CẤP NHẬP

TRƯỜNG KHOA/VIỆN


Lai Văn Hùng

PHÒNG ĐÀO TẠO



HIỆU TRƯỞNG


Trần Doãn Hùng



Trương Sĩ Trung

